

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

BÀI VIẾT
TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC THI
HIỆP ĐỊNH EVFTA TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU RAU
QUẢ CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG 8 THÁNG
ĐẦU NĂM 2025

THUỘC NHIỆM VỤ
Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai
hiệp định EVFTA
Năm 2025

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG THỰC THI EVFTA, 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	8
1. Tổng quan tình hình xuất khẩu rau quả sang thị trường EU.....	8
2. Cơ cấu thị trường trong EVFTA theo kim ngạch xuất khẩu rau quả từ Việt Nam	9
3. Cơ cấu chủng loại mặt hàng rau quả xuất khẩu sang thị trường các thành viên EVFTA	13
4. Một số đánh giá về tác động của hiệp định EVFTA đến xuất khẩu rau quả của Việt Nam.....	15
5. Đánh giá về sức cạnh tranh của mặt hàng rau quả Việt Nam tại thị trường EU.....	17
5.1. Nhập khẩu mặt hàng quả và quả hạch (mã HS 08) vào EU.....	19
5.2. Nhập khẩu mặt hàng rau quả chế biến (mã HS 20) vào EU	21
II. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XUẤT KHẨU RAU QUẢ TRONG THỰC THI EVFTA	24
1. Các yếu tố tác động từ thị trường thế giới và thị trường EU	24
2. Các yếu tố tác động từ thị trường Việt Nam.....	24
III. ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP	25
1. Dự báo xu hướng.....	25
2. Một số khuyến nghị.....	26

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Cơ cấu thị trường thành viên trong xuất khẩu rau quả từ Việt Nam sang EU trong 8 tháng đầu năm 2025	12
Biểu đồ 2: Chủng loại rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong 8 tháng năm 2025 (% tính theo trị giá)	15
Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EVFTA 8 Tháng đầu năm 2020 - 2025.....	16
Biểu đồ 4: Kim ngạch nhập khẩu của mặt hàng quả và quả hạch (mã HS 08) của thị trường EU qua các tháng.....	21
Biểu đồ 5: Kim ngạch nhập khẩu mặt hàng rau quả chế biến (mã HS 20) của thị trường EU qua các tháng.....	23

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA so sánh với xuất khẩu rau quả Việt Nam ra thế giới	9
Bảng 2: Thị trường xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thành viên Hiệp định EVFTA trong 8 tháng đầu năm 2025.....	10
Bảng 3: Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong 8 tháng năm 2025 (% tính theo trị giá)	13
Bảng 4: Nhóm các thị trường xuất khẩu mặt hàng rau quả (mã HS 08, 20) lớn nhất vào thị trường EU trong 6 tháng đầu năm 2025	18
Bảng 5: Nhóm các thị trường xuất khẩu mặt hàng rau quả (mã HS 08) lớn nhất vào thị trường EU trong 6 tháng đầu năm 2025.....	19
Bảng 6: Nhóm các thị trường xuất khẩu mặt hàng rau quả (mã HS 20) lớn nhất vào thị trường EU trong 6 tháng đầu năm 2025.....	22

TÓM TẮT NỘI DUNG

Theo số liệu của Hải quan Việt Nam, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025 tiếp tục ghi nhận kết quả tích cực. Riêng trong tháng 8/2025, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EU đạt 45,47 triệu USD, tuy giảm nhẹ 6,76% so với tháng trước do yếu tố mùa vụ và nhu cầu nhập khẩu chững lại ở một số thị trường lớn, song vẫn tăng mạnh tới 72,34% so với cùng kỳ năm 2024. Mức tăng ấn tượng này cho thấy khả năng duy trì sức cạnh tranh của rau quả Việt Nam giữa bối cảnh thị trường châu Âu ngày càng khắt khe về tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng và truy xuất nguồn gốc.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EU đạt 328,29 triệu USD, tăng tới 52,85% so với cùng kỳ năm ngoái, mức tăng vượt trội so với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu rau quả chung của Việt Nam ra thế giới (chỉ 2,01%). Kết quả này phản ánh sự chuyển dịch tích cực của ngành rau quả Việt Nam sang các thị trường có giá trị cao, đồng thời cho thấy nỗ lực của doanh nghiệp trong việc tận dụng hiệu quả ưu đãi thuế quan từ Hiệp định EVFTA. Nhiều mặt hàng chủ lực như thanh long, chuối, xoài, dưa, chanh leo và các sản phẩm rau quả chế biến đã dần khẳng định chỗ đứng tại các thị trường khó tính như Đức, Hà Lan, Pháp...

Trong bức tranh xuất khẩu rau quả của Việt Nam năm 2025, thị trường các nước thành viên Hiệp định EVFTA có đóng góp không nhỏ. Theo số liệu thống kê từ Hải quan Việt Nam, tháng 8/2025, Việt Nam đã xuất khẩu ra thế giới 951,13 triệu USD mặt hàng rau quả, tăng 24,36% so với tháng trước và tăng 12,75% so với cùng kỳ năm 2024. Lũy kế 8 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả đạt 4,82 tỷ USD, tăng 2,01% so với cùng kỳ, cho thấy xu hướng tăng trưởng ổn định của ngành hàng này bất chấp những biến động kinh tế thế giới.

Xét theo từng thị trường, Hà Lan tiếp tục là cửa ngõ trung chuyển và thị trường tiêu thụ lớn nhất, đạt 110,22 triệu USD trong 8 tháng, tăng 38,61% so với cùng kỳ, chiếm 33,57% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EVFTA, dù tỷ trọng có giảm nhẹ so với năm 2024. Đức đứng thứ hai với 55,09 triệu USD, tăng 31,92%, chiếm 16,78% nhưng cũng giảm thị phần so với cùng kỳ. Trong khi đó, Pháp ghi nhận mức tăng trưởng khả quan, đạt 38,48 triệu USD, tăng 38,45% so với cùng kỳ, chiếm 11,72% tổng kim ngạch, song vẫn thấp hơn mức tỷ trọng của năm trước. Nhìn chung, dù ba thị trường lớn vẫn duy trì vai trò chủ lực, song tỷ trọng của các thị trường có xu hướng giảm, cho thấy sự phân bổ lại dòng xuất khẩu khi Việt Nam dần mở rộng sang các thị trường thành viên khác.

Tính toán từ số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 8/2025, nhóm hàng quả và quả hạch vẫn giữ vai trò dẫn đầu khi đạt 18,33 triệu USD, dù giảm 20,81% so với tháng trước nhưng vẫn tăng mạnh 55,3% so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung 8 tháng đầu năm 2025, nhóm này đạt 154,42 triệu USD, tăng 51,31%, chiếm 47,04% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EVFTA. Tuy nhiên, tỷ trọng này lại sụt nhẹ so với cùng kỳ năm trước (47,52%), cho thấy xu hướng cân bằng hơn giữa các nhóm sản phẩm.

Điểm nổi bật trong cơ cấu là sự vươn lên mạnh mẽ của nhóm rau quả chế biến. Tháng 8/2025, kim ngạch nhóm hàng này đạt 24,56 triệu USD, tăng 7,84% so với tháng trước và tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 8 tháng năm 2025, rau quả chế biến đạt 154 triệu USD, tăng 57,73%, chiếm 46,91% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU, cao hơn mức 45,46% của cùng kỳ 2024. Con số này phản ánh rõ xu thế dịch chuyển từ xuất khẩu nguyên liệu thô sang các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tiện lợi, an toàn và bền vững tại thị trường EU. Đây cũng là những dấu hiệu cho thấy sự đầu tư ngày càng bài bản của doanh nghiệp Việt Nam vào công nghệ chế biến, bảo quản và tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, đồng thời giúp giảm rủi ro phụ thuộc vào thời vụ hay biến động giá cả nông sản tươi.

Trong giai đoạn 8 tháng đầu năm từ 2020–2025, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU đã có những bước chuyển biến rõ rệt, cho thấy những tác động tích cực và lâu dài của Hiệp định EVFTA. Năm 2020, trị giá xuất khẩu chỉ đạt 92,78 triệu USD, trong đó tháng 8/2020 là dấu mốc quan trọng khi EVFTA chính thức có hiệu lực, mở ra cơ hội tiếp cận ưu đãi thuế quan cho rau quả Việt Nam; tuy nhiên, hiệu ứng ngay lập tức chưa rõ ràng do chịu tác động của dịch COVID-19 và thời điểm Anh rời EU (tháng 1/2020) khiến thị trường tiêu thụ có phần thu hẹp.

Sang 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu ghi nhận mức tăng trưởng khiêm tốn, tốc độ tăng chỉ 5,75% so với cùng kỳ, đạt 98,12 triệu USD, cho thấy doanh nghiệp Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn tìm cách thích ứng, khai thác lợi ích từ hiệp định. Tuy nhiên, kể từ sau năm 2021, kim ngạch xuất khẩu bắt đầu duy trì xu hướng tăng trưởng mạnh mẽ và ổn định, cho thấy sự thâm nhập ngày càng sâu rộng hơn vào hệ thống phân phối của EU nhờ lợi thế về thuế quan, cải thiện chất lượng sản phẩm cũng như khả năng đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe.

Đến 8 tháng đầu năm 2025, kim ngạch đã đạt tới 328,29 triệu USD, gấp hơn 3,3 lần so với cùng kỳ 2021 và gần 3,5 lần so với năm 2020, minh chứng rõ ràng cho sức lan tỏa của EVFTA trong việc thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Những con số này không chỉ khẳng định vai trò của EVFTA đối với ngành rau quả Việt Nam, mà còn cho thấy quá trình nâng cấp năng lực

cạnh tranh, đa dạng hóa sản phẩm và củng cố vị thế hàng nông sản Việt trên thị trường châu Âu.

Xét về năng lực cạnh tranh của rau quả Việt Nam tại thị trường EU và dư địa còn có thể khai thác: Với đặc điểm là rau quả nhiệt đới, đa dạng chủng loại, hương vị, rau quả Việt Nam có lợi thế tự nhiên ở thị trường EU. Tuy nhiên, nguồn cung ở thị trường này cũng rất đa dạng, trong đó có cạnh tranh từ các nguồn cung ứng châu Á khác bao gồm cả Trung Quốc, các nước Đông Nam Á và nguồn cung rau quả từ châu Phi. Hiệp định EVFTA mang lại lợi thế về thuế quan, cộng với những nỗ lực thúc đẩy thương mại, đầu tư trong thời gian gần đây đã giúp rau quả của Việt Nam gia tăng lợi thế tại thị trường EU. Tuy nhiên, dung lượng thị trường còn lớn và dư địa còn nhiều để khai thác, do Việt Nam mới chỉ đứng thứ 19 trong danh sách các thị trường cung ứng rau quả (mã HS 08) cho thị trường EU trong 6 tháng đầu năm 2025; đồng thời cũng chỉ đứng thứ 23 trong tổng số các thị trường cung ứng rau quả chế biến (mã HS 20) lớn nhất cho EU (ví trí còn chưa bằng Thái Lan-vẫn chưa có FTA với EU).

Xét về triển vọng: Triển vọng xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA trong thời gian tới được đánh giá là vô cùng tích cực, bởi hiệp định này không chỉ mang lại lợi thế về thuế quan mà còn mở ra cơ hội dài hạn trong việc thâm nhập sâu vào một trong những thị trường tiêu thụ rau quả lớn và khát khe nhất thế giới. Với mức thuế nhập khẩu nhiều mặt hàng rau quả đã giảm về 0%, doanh nghiệp Việt Nam có điều kiện cạnh tranh với các đối thủ từ những quốc gia chưa có FTA với EU. Xu hướng tiêu dùng tại châu Âu cũng ngày càng nghiêng về các sản phẩm nông sản nhiệt đới, hữu cơ, thân thiện môi trường và có chứng nhận phát triển bền vững.

Trong bối cảnh nhu cầu đa dạng hóa nguồn cung của EU ngày càng tăng sau những biến động địa chính trị và đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, rau quả Việt Nam có cơ hội mở rộng thị phần, đặc biệt ở những mặt hàng như thanh long, xoài, nhãn, chanh leo, cũng như nhóm rau quả chế biến, nước ép và sản phẩm sấy khô. Dự báo trong những năm tới, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng hai con số, trong đó xu hướng nổi bật là dịch chuyển từ xuất khẩu tươi sang chế biến sâu nhằm gia tăng giá trị và đáp ứng yêu cầu về logistics xanh, giảm phát thải carbon. Đồng thời, sự gia nhập mạnh mẽ của các doanh nghiệp lớn, kết hợp với nỗ lực chuẩn hóa quy trình sản xuất, truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu vùng trồng, sẽ giúp rau quả Việt Nam không chỉ mở rộng quy mô xuất khẩu mà còn dần khẳng định được vị thế ở phân khúc trung cao cấp tại thị trường châu Âu.

Trong những tháng còn lại của năm 2025, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA được dự báo sẽ tiếp

tục duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực, nhờ sự cộng hưởng của nhiều yếu tố thuận lợi từ cả cung và cầu. Một mặt, nhu cầu tiêu thụ rau quả tại EU thường gia tăng mạnh vào giai đoạn cuối năm, khi bước vào mùa lễ hội và kỳ nghỉ Giáng sinh và Năm mới, mở ra cơ hội lớn cho các sản phẩm nhiệt đới đặc trưng của Việt Nam như thanh long, xoài, nhãn, chôm chôm hay chanh leo. Mặt khác, những cam kết ưu đãi thuế quan từ EVFTA vẫn phát huy hiệu quả, giúp hàng Việt Nam có lợi thế rõ rệt về giá so với các đối thủ đến từ những quốc gia chưa có FTA với EU. Ngoài ra, trong bối cảnh EU đang đẩy mạnh chính sách đa dạng hóa nguồn cung và giảm phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống, rau quả Việt Nam có thêm dư địa để mở rộng thị phần.

NỘI DUNG CHI TIẾT

I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG THỰC THI EVFTA, 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Tổng quan tình hình xuất khẩu rau quả sang thị trường EU

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025 tiếp tục ghi nhận kết quả tích cực. Riêng trong tháng 8/2025, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EU đạt 45,47 triệu USD, tuy giảm nhẹ 6,76% so với tháng trước do yếu tố mùa vụ và nhu cầu nhập khẩu chững lại ở một số thị trường lớn, song vẫn tăng mạnh tới 72,34% so với cùng kỳ năm 2024. Mức tăng ấn tượng này cho thấy khả năng duy trì sức cạnh tranh của rau quả Việt Nam giữa bối cảnh thị trường châu Âu ngày càng khắt khe về tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng và truy xuất nguồn gốc.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EU đạt 328,29 triệu USD, tăng tới 52,85% so với cùng kỳ năm ngoái, mức tăng vượt trội so với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu rau quả chung của Việt Nam ra thế giới (chỉ 2,01%). Kết quả này phản ánh sự chuyển dịch tích cực của ngành rau quả Việt Nam sang các thị trường có giá trị cao, đồng thời cho thấy nỗ lực của doanh nghiệp trong việc tận dụng hiệu quả ưu đãi thuế quan từ Hiệp định EVFTA. Nhiều mặt hàng chủ lực như thanh long, chuối, xoài, dứa, chanh leo và các sản phẩm rau quả chế biến đã dần khẳng định chỗ đứng tại các thị trường khó tính như Đức, Hà Lan, Pháp...

Trong bức tranh xuất khẩu rau quả của Việt Nam năm 2025, thị trường các nước thành viên Hiệp định EVFTA có đóng góp không nhỏ. Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, tháng 8/2025, Việt Nam đã xuất khẩu ra thế giới 951,13 triệu USD mặt hàng rau quả, tăng 24,36% so với tháng trước và tăng 12,75% so với cùng kỳ năm 2024. Lũy kế 8 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả đạt 4,82 tỷ USD, tăng 2,01% so với cùng kỳ, cho thấy xu hướng tăng trưởng ổn định của ngành hàng này bất chấp những biến động kinh tế thế giới.

Đáng chú ý, xuất khẩu rau quả sang các thị trường thành viên EVFTA đang có bước bứt phá mạnh mẽ. Trong 8 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu sang khu vực này chiếm 6,81% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam, tăng đáng kể so với mức 4,55% cùng kỳ năm 2024, phản ánh rõ hiệu quả của việc tận dụng ưu đãi thuế quan từ EVFTA cũng như nỗ lực của doanh nghiệp Việt trong đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc của thị trường châu Âu.

Bảng 1: Xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA và tổng xuất khẩu ra thế giới

	Tháng 8/2025			8 Tháng 2025		Tỷ trọng của thị trường	
	Trị giá (Triệu USD)	So tháng 7/2025 (%)	So với Tháng 8/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 8 Tháng 2024 (%)	8 Tháng 2025 (%)	8 Tháng 2024 (%)
Thế giới	951,13	24,36	12,75	4819,32	2,01	100	100
EVFTA	45,47	-6,76	72,34	328,29	52,85	6,81	4,55

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan Việt Nam

So với xuất khẩu rau quả của Việt Nam ra thế giới thì thị trường EVFTA tuy còn chiếm tỷ trọng khiêm tốn nhưng lại có giá trị cao và mang tính bền vững hơn. Trong khi các thị trường truyền thống chủ yếu nhập khẩu rau quả tươi hoặc sơ chế, thì thị trường EU ưu tiên sản phẩm chế biến sâu, hữu cơ, và thân thiện môi trường, hướng đi phù hợp với chiến lược nâng cao giá trị gia tăng cho nông sản Việt Nam. Như vậy, dù tốc độ tăng trưởng xuất khẩu toàn cầu của ngành rau quả chỉ ở mức 2,01%, nhưng riêng nhóm thị trường EVFTA lại tăng nhanh hơn cả, cho thấy sự dịch chuyển tích cực về chất lượng, tiêu chuẩn và hướng phát triển dài hạn của ngành hàng này.

Có thể nói, xuất khẩu rau quả sang EVFTA không chỉ đóng góp vào tăng trưởng kim ngạch chung mà còn thể hiện bước tiến quan trọng trong quá trình tái cơ cấu thị trường xuất khẩu, chuyển từ nhiều về lượng sang chất lượng và giá trị cao. Đây chính là nền tảng để ngành rau quả Việt Nam tiếp tục khẳng định thương hiệu trên thị trường thế giới, hướng đến phát triển bền vững và hội nhập sâu rộng hơn trong giai đoạn tới.

2. Cơ cấu thị trường trong EVFTA theo kim ngạch xuất khẩu rau quả từ Việt Nam

Trong 8 tháng đầu năm 2025, tình hình xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA ghi nhận sự bứt phá cả về quy mô lẫn tốc độ tăng trưởng, phần nào cho thấy được sự hiệu quả trong việc tận dụng ưu đãi từ hiệp định cũng như sự cải thiện trong năng lực cạnh tranh của ngành.

Theo số liệu thống kê từ Hải quan Việt Nam, riêng tháng 8/2025, trị giá xuất khẩu đạt 45,47 triệu USD, tuy giảm 6,76% so với tháng trước

nhưng vẫn tăng tới 72,34% so với cùng kỳ năm 2024, cho thấy nhu cầu tại EU vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định. Lũy kế 8 tháng, kim ngạch xuất khẩu sang khối EVFTA đạt 328,29 triệu USD, tăng 52,85% so với cùng kỳ năm trước.

Xét theo từng thị trường, Hà Lan tiếp tục là cửa ngõ trung chuyển và thị trường tiêu thụ lớn nhất, đạt 110,22 triệu USD trong 8 tháng, tăng 38,61% so với cùng kỳ, chiếm 33,57% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EVFTA, dù tỷ trọng có giảm nhẹ so với năm 2024. Đức đứng thứ hai với 55,09 triệu USD, tăng 31,92%, chiếm 16,78% nhưng cũng giảm thị phần so với cùng kỳ. Trong khi đó, Pháp ghi nhận mức tăng trưởng khả quan, đạt 38,48 triệu USD, tăng 38,45% so với cùng kỳ, chiếm 11,72% tổng kim ngạch, song vẫn thấp hơn mức tỷ trọng của năm trước. Nhìn chung, dù ba thị trường lớn vẫn duy trì vai trò chủ lực, song tỷ trọng của các thị trường có xu hướng giảm, cho thấy sự phân bổ lại dòng xuất khẩu khi Việt Nam dần mở rộng sang các thị trường thành viên khác.

Thực tế cho thấy, dù Hà Lan, Đức và Pháp vẫn giữ vai trò là ba trụ cột chính với tổng kim ngạch chiếm hơn 60% toàn khối, nhưng xu hướng tỷ trọng của các thị trường truyền thống này trong tổng xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU đang giảm dần. Nguyên nhân chủ yếu là do sự bứt phá mạnh mẽ của nhiều thị trường mới nổi trong khối EVFTA, đặc biệt là Italy, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Hy Lạp và Estonia. Đây đều là những thị trường trước kia đóng vai trò thứ yếu nhưng hiện nay đã trở thành điểm sáng tăng trưởng ba con số, góp phần quan trọng vào việc đa dạng hóa thị trường xuất khẩu của ngành rau quả Việt Nam.

Bảng 2: Thị trường xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thành viên Hiệp định EVFTA trong 8 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 8/2025			8 Tháng 2025		Tỷ trọng của thị trường	
	Trị giá (Triệu USD)	So với Tháng 7/2025 (%)	So với Tháng 8/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 8 Tháng 2024 (%)	8 Tháng 2025 (%)	8 Tháng 2024 (%)
Tổng	45,47	-6,76	72,34	328,29	52,85	100	100
Hà Lan	14,76	-6,16	51,61	110,22	38,61	33,57	37,02
Đức	8,07	11,27	94,39	55,09	31,92	16,78	19,44
Pháp	4,45	-7,72	84,33	38,48	38,45	11,72	12,94
Ba Lan	3,61	14,89	137,26	26,77	63,06	8,15	7,64
Italy	5,74	-16,37	137,85	26,59	223,28	8,10	3,83
Tây Ban	2,82	-35,82	67,10	23,06	139,01	7,03	4,49

Thị trường	Tháng 8/2025			8 Tháng 2025		Tỷ trọng của thị trường	
	Trị giá (Triệu USD)	So với Tháng 7/2025 (%)	So với Tháng 8/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 8 Tháng 2024 (%)	8 Tháng 2025 (%)	8 Tháng 2024 (%)
Nha							
Bỉ	1,49	-2,95	-11,84	11,41	15,57	3,48	4,60
Lithuania	0,98	-43,97	4,30	9,43	18,28	2,87	3,71
Romania	0,79	57,50	180,74	6,93	71,81	2,11	1,88
Thụy Điển	1,21	41,32	175,64	6,80	199,20	2,07	1,06
CH Séc	0,26	33,37	6,52	2,62	45,18	0,80	0,84
Hy Lạp	0,21	-39,36	211,81	2,03	270,06	0,62	0,25
Bồ Đào Nha	0,20	-38,95	38,26	1,79	8,63	0,55	0,77
Estonia	0,05	174,28	30,94	1,51	226,42	0,46	0,22
Đan Mạch	0,27	3,96	151,98	1,47	142,33	0,45	0,28
Bulgaria	0,05	-88,42	-79,54	1,01	86,67	0,31	0,25
Latvia	0,25	231,62	59,36	0,91	33,01	0,28	0,32
Síp	0,17	958,97		0,56	170,33	0,17	0,10
Phân Lan	0,02		-34,08	0,50	76,13	0,15	0,13
Slovenia	0,03	-69,71	176,42	0,45	196,62	0,14	0,07
Ireland	0,04	-37,99	38,62	0,26	86,72	0,08	0,06
Hungary				0,16	21,49	0,05	0,06
Malta				0,13	669,80	0,04	0,01
Áo				0,12	314,64	0,04	0,01
Luxembourg							

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan Việt Nam

Đặc biệt, cơ cấu thị trường đang trở nên đa dạng hơn nhờ sự tăng trưởng xuất khẩu ở nhiều quốc gia Nam và Đông Âu. Một số thị trường ghi nhận mức tăng trưởng ba con số, như Italy (tăng 223,28%), Tây Ban Nha (tăng 139,01%), Thụy Điển (tăng 199,2%), Hy Lạp (tăng 279,06%) hay Estonia (tăng 226,42%). Mức tăng trưởng này cho thấy ngoài những thị trường truyền thống, rau quả Việt Nam ngày càng được chấp nhận rộng rãi tại các thị trường ngách có tiềm năng, nhờ chất lượng cải thiện, đáp ứng tiêu chuẩn EU và lợi thế thuế quan từ EVFTA.

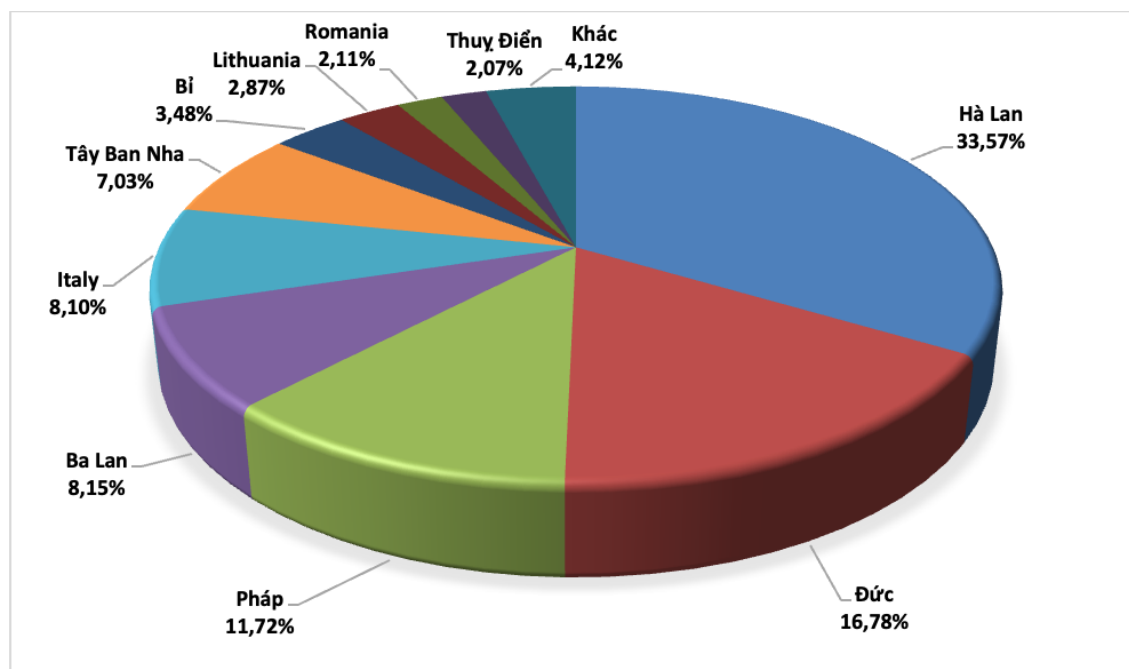
Đáng chú ý, chỉ riêng 6 thị trường gồm Hà Lan, Đức, Pháp, Ba Lan, Italy và Tây Ban Nha đã chiếm hơn 85% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EVFTA, cho thấy sự tập trung cao độ nhưng đồng thời cũng mở ra dư địa tăng trưởng nếu Việt Nam tiếp tục khai thác các thị trường mới nổi khác.

Để có thể đạt được mức tăng trưởng mạnh mẽ ở nhiều thị trường vốn khắt khe về tiêu chuẩn như Đức, Pháp hay Thụy Điển, rõ ràng ngành rau quả Việt Nam đã nâng cao đáng kể năng lực kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc, tuân thủ quy định về dư lượng hóa chất và tiêu chuẩn an toàn thực phẩm của EU. Đây là tiền đề quan trọng để duy trì sự phát triển bền vững, đồng thời tạo dựng hình ảnh thương hiệu nông sản Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Tuy nhiên, mức giảm tỷ trọng của các thị trường lớn như Hà Lan và Đức cũng cho thấy sự cạnh tranh ngày càng gay gắt với các nước xuất khẩu khác, đặc biệt là những đối thủ mạnh về rau quả như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Maroc hay Thổ Nhĩ Kỳ.

Biểu đồ cho thấy cơ cấu thị trường thành viên trong xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU trong 8 tháng đầu năm 2025 cho thấy xu hướng xuất khẩu tập trung vào các thị trường truyền thống ở Tây Âu, đặc biệt là Hà Lan, Đức và Pháp (ba quốc gia này chiếm 62,07% tổng xuất khẩu). Tuy nhiên, sự hiện diện ngày càng rõ của các thị trường Đông Âu như Ba Lan cũng mở ra cơ hội mở rộng thị trường ngách, giúp xuất khẩu rau quả Việt Nam bền vững hơn, giảm phụ thuộc vào một vài đầu mối lớn.

Biểu đồ 1: Cơ cấu thị trường thành viên trong xuất khẩu rau quả từ Việt Nam sang EU trong 8 tháng đầu năm 2025

(% tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan Việt Nam

3. Cơ cấu chủng loại mặt hàng rau quả xuất khẩu sang thị trường các thành viên EVFTA

Theo số liệu thống kê từ Hải quan Việt Nam, trong tháng 8/2025, nhóm hàng quả và quả hạch vẫn giữ vai trò dẫn đầu khi đạt 18,33 triệu USD, dù giảm 20,81% so với tháng trước nhưng vẫn tăng mạnh 55,3% so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung 8 tháng đầu năm, nhóm này đạt 154,42 triệu USD, tăng 51,31%, chiếm 47,04% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả sang EVFTA. Tuy nhiên, tỷ trọng này lại sụt nhẹ so với cùng kỳ năm trước (47,52%), cho thấy xu hướng cân bằng hơn giữa các nhóm sản phẩm.

Điểm nổi bật trong cơ cấu là sự vươn lên mạnh mẽ của nhóm rau quả chế biến. Tháng 8/2025, kim ngạch nhóm hàng này đạt 24,56 triệu USD, tăng 7,84% so với tháng trước và tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế 8 tháng, rau quả chế biến đạt 154 triệu USD, tăng 57,73%, chiếm 46,91% tổng kim ngạch, cao hơn mức 45,46% của cùng kỳ 2024. Con số này phản ánh rõ xu thế dịch chuyển từ xuất khẩu nguyên liệu thô sang các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tiện lợi, an toàn và bền vững tại thị trường EU. Đây cũng là những dấu hiệu cho thấy sự đầu tư ngày càng bài bản của doanh nghiệp Việt Nam vào công nghệ chế biến, bảo quản và tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, đồng thời giúp giảm rủi ro phụ thuộc vào thời vụ hay biến động giá cả nông sản tươi.

Ngược lại, nhóm rau củ tươi lại có dấu hiệu chững lại. Tháng 8/2025, trị giá xuất khẩu đạt 1,64 triệu USD, giảm 1,21% so với tháng trước và giảm 5,53% so với cùng kỳ. Tính chung 8 tháng, xuất khẩu rau củ chỉ đạt 11,21 triệu USD, tăng 4% nhưng tỷ trọng giảm xuống còn 3,41%, thấp hơn nhiều so với mức 5,02% của cùng kỳ năm 2024. Sự sụt giảm này cho thấy khả năng cạnh tranh của rau củ Việt Nam tại EU còn hạn chế, đặc biệt khi phải đối mặt với nguồn cung dồi dào và ổn định từ các nước trong khối như Tây Ban Nha, Italy, Hà Lan... là những nước có lợi thế vượt trội về logistics và chuỗi cung ứng.

Bảng 3: Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong 8 tháng năm 2025 (% tính theo trị giá)

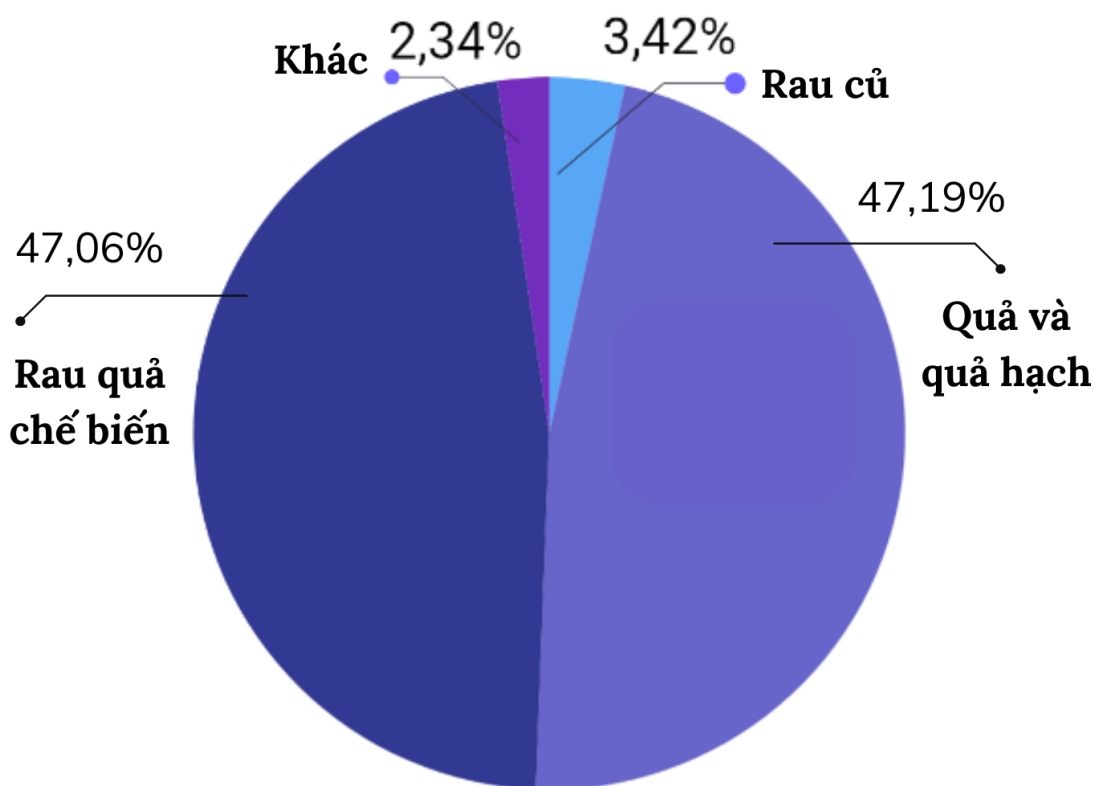
Chủng loại	Tháng 8/2025			8 Tháng 2025		Tỷ trọng của thị trường	
	Trị giá (Triệu USD)	So với Tháng 7/2025 (%)	So với Tháng 8/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 8 Tháng 2024 (%)	8 Tháng 2025 (%)	8 Tháng 2024 (%)
Quả và quả hạch	18,33	-20,81	55,30	154,42	51,31	47,04	47,52
Chanh	3,77	-11,37	29,55	41,79	46,37	12,73	13,29

Chủng loại	Tháng 8/2025			8 Tháng 2025		Tỷ trọng của thị trường	
	Trị giá (Triệu USD)	So với Tháng 7/2025 (%)	So với Tháng 8/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 8 Tháng 2024 (%)	8 Tháng 2025 (%)	8 Tháng 2024 (%)
Dừa	0,87	-29,79	46,67	10,63	57,48	3,24	3,14
Sầu riêng	0,17	27,85	173,65	0,83	-3,87	0,25	0,40
Thanh long	0,73	139,35	-13,99	8,61	-1,13	2,62	4,06
Xoài	4,76	-12,60	36,79	41,83	37,22	12,74	14,19
Khác	8,02	-31,78	105,42	50,73	90,03	15,45	12,43
Rau quả chế biến	24,56	7,84	105,57	154,00	57,73	46,91	45,46
Rau quả sấy khô	0,30	-38,89	20,33	1,96	46,16	0,60	0,62
Rau quả đông lạnh	1,99	-21,22	103,23	16,19	94,20	4,93	3,88
Nước dừa	2,32	7,14	103,22	13,51	46,61	4,12	4,29
Nước ép	8,33	39,76	86,42	53,43	30,41	16,28	19,08
Rau quả sấy dẻo	1,81	6,02	119,93	10,39	56,02	3,16	3,10
Khác	9,82	-1,17	128,78	58,52	88,10	17,82	14,48
Rau củ	1,64	-1,21	-5,53	11,21	4,00	3,41	5,02
Bắp	0,41	-1,07	-39,73	4,06	15,38	1,24	1,64
Khoai lang	0,11	-23,54	30,32	0,85	12,60	0,26	0,35
Ớt	0,06	58,92	-40,69	0,38	-47,51	0,11	0,33
Sả	0,23	82,35	66,27	1,01	-14,25	0,31	0,55
Khác	0,84	-11,17	12,56	4,91	6,60	1,50	2,15
Chủng loại khác	0,75	-26,73	-6,59	7,65	63,85	2,33	2,17
Tổng	45,47	-6,76	72,34	328,29	52,85	100	100

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan Việt Nam

Nhìn chung, cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EVFTA trong 8 tháng đầu năm 2025 đang hướng tới sự cân bằng giữa hai nhóm chủ lực là quả, quả hạch và rau quả chế biến, chiếm tới gần 94% tổng kim ngạch, trong khi nhóm rau củ tươi dần thu hẹp vai trò. Sự dịch chuyển này không chỉ phản ánh chiến lược nâng cao giá trị gia tăng mà còn thể hiện khả năng thích ứng của ngành rau quả Việt Nam trước những thay đổi trong thị hiếu tiêu dùng và yêu cầu khắt khe của thị trường EU.

Biểu đồ 2: Chứng loại rau quả xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong 8 tháng năm 2025 (% tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan Việt Nam

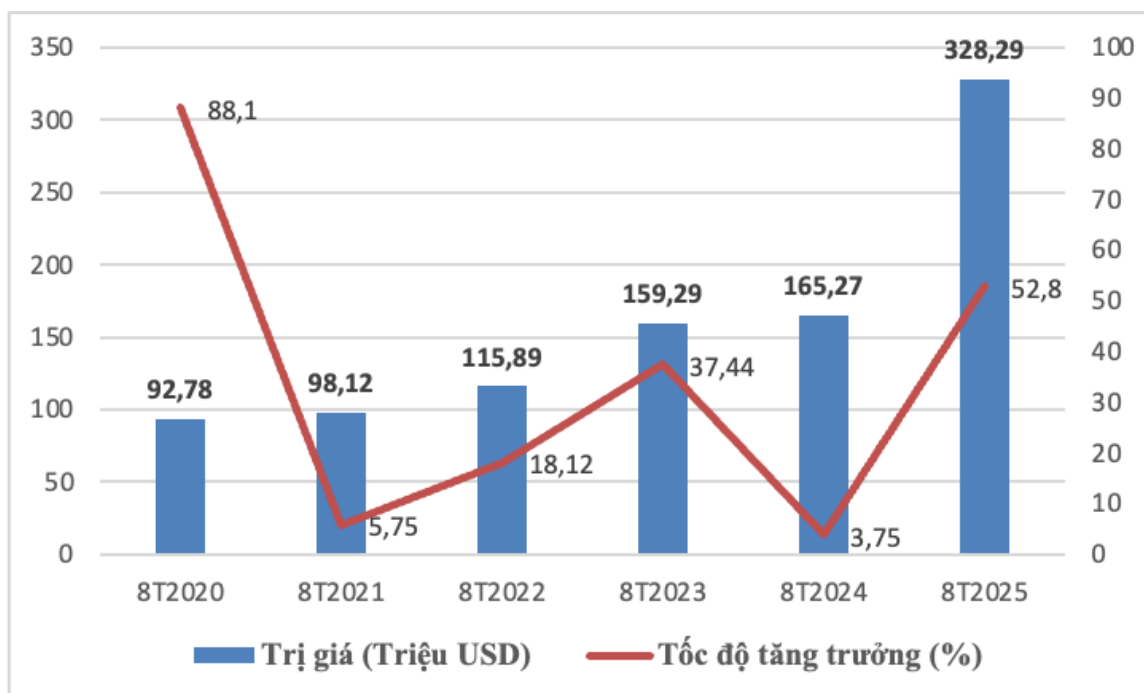
4. Một số đánh giá về tác động của hiệp định EVFTA đến xuất khẩu rau quả của Việt Nam

Trong giai đoạn 8 tháng đầu năm 2020–2025, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU đã có những bước chuyển biến rõ rệt, cho thấy những tác động tích cực và lâu dài của Hiệp định EVFTA. Năm 2020, trị giá xuất khẩu chỉ đạt 92,78 triệu USD, trong đó tháng 8/2020 là dấu mốc quan trọng khi EVFTA chính thức có hiệu lực, mở ra cơ hội tiếp cận ưu đãi thuế quan cho rau quả Việt Nam; tuy nhiên, hiệu ứng ngay lập tức chưa rõ ràng do chịu tác động của dịch COVID-19 và thời điểm Anh rời EU (tháng 1/2020) khiến thị trường tiêu thụ có phần thu hẹp.

Sang 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu ghi nhận mức tăng trưởng khiêm tốn, tốc độ tăng chỉ 5,75% so với cùng kỳ, đạt 98,12 triệu USD, cho thấy doanh nghiệp Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn tìm cách thích ứng, khai thác lợi ích từ hiệp định. Tuy nhiên, kể từ sau năm 2021, kim ngạch xuất khẩu bắt đầu duy trì xu hướng tăng trưởng mạnh mẽ và ổn định, cho thấy sự thâm nhập ngày càng sâu rộng hơn vào hệ thống phân phối của EU nhờ lợi thế về thuế quan, cải thiện chất lượng sản phẩm cũng như khả năng đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe.

Đến 8 tháng đầu năm 2025, kim ngạch đã đạt tới 328,29 triệu USD, gấp hơn 3,3 lần so với cùng kỳ 2021 và gần 3,5 lần so với năm 2020, minh chứng rõ ràng cho sức lan tỏa của EVFTA trong việc thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Những con số này không chỉ khẳng định vai trò của EVFTA đối với ngành rau quả Việt Nam, mà còn cho thấy quá trình nâng cấp năng lực cạnh tranh, đa dạng hóa sản phẩm và củng cố vị thế hàng nông sản Việt trên thị trường châu Âu.

Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EVFTA 8 Tháng đầu năm 2020 - 2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

Có thể nhận định rằng, Hiệp định EVFTA đã trở thành một trong những động lực giúp nâng cao giá trị và mở rộng quy mô xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU. Trước thời điểm EVFTA có hiệu lực, kim ngạch xuất khẩu sang EU còn khá khiêm tốn, phụ thuộc nhiều vào một số mặt hàng truyền thống và chủ yếu tập trung ở nhóm trái cây nhiệt đới. Tuy nhiên, nhờ ưu đãi thuế quan cùng việc cải thiện khung pháp lý và tiêu chuẩn chất lượng, rau quả Việt Nam đã dần chiếm lĩnh được chỗ đứng trong hệ thống phân phối châu Âu, tiếp cận sâu hơn các phân khúc thị trường trung cao cấp. EVFTA không chỉ giúp giảm đáng kể chi phí nhập khẩu cho nhà nhập khẩu EU mà còn buộc doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực sản xuất, áp dụng quy trình quản lý chất lượng quốc tế, đáp ứng nghiêm ngặt các quy định về truy xuất nguồn gốc, an toàn vệ sinh thực phẩm và phát triển bền vững. Nhờ vậy, rau quả Việt Nam không còn chỉ được xem là sản phẩm giá rẻ mà ngày càng khẳng định giá trị gia tăng cao, đủ sức cạnh tranh với các đối thủ từ Nam Mỹ hay châu Phi. Rõ ràng,

EVFTA không chỉ mang lại lợi ích ngắn hạn về thuế quan, mà còn tạo ra hiệu ứng dài hạn giúp tái cơ cấu ngành rau quả, nâng cao sức cạnh tranh và gia tăng vị thế hàng nông sản Việt Nam trên thị trường châu Âu.

Nhìn tổng thể, kết quả 8 tháng đầu năm 2025 vừa khẳng định thành công trong việc tận dụng EVFTA để mở rộng quy mô xuất khẩu, vừa cho thấy sự dịch chuyển chiến lược của ngành rau quả Việt Nam sang hướng đa dạng hóa thị trường. Dù vậy, tính bền vững của đà tăng trưởng này vẫn phụ thuộc vào khả năng duy trì chất lượng ổn định, kiểm soát chi phí logistics, phát triển vùng nguyên liệu đạt chuẩn và xây dựng thương hiệu quốc gia cho sản phẩm rau quả. Đây sẽ là yếu tố quyết định để Việt Nam không chỉ tăng trưởng về lượng, mà còn nâng cao giá trị và vị thế trong chuỗi cung ứng rau quả toàn cầu tại thị trường EU.

5. Đánh giá về sức cạnh tranh của mặt hàng rau quả Việt Nam tại thị trường EU

Xét về năng lực cạnh tranh của rau quả Việt Nam tại thị trường EU và dư địa còn có thể khai thác: Với đặc điểm là rau quả nhiệt đới, đa dạng chủng loại, hương vị, rau quả Việt Nam có lợi thế tự nhiên ở thị trường EU. Tuy nhiên, nguồn cung ở thị trường này cũng rất đa dạng, trong đó có cạnh tranh từ các nguồn cung ứng châu Á khác bao gồm cả Trung Quốc, các nước Đông Nam Á và nguồn cung rau quả từ châu Phi. Hiệp định EVFTA mang lại lợi thế về thuế quan, cộng với những nỗ lực thúc đẩy thương mại, đầu tư trong thời gian gần đây đã giúp rau quả của Việt Nam gia tăng lợi thế tại thị trường EU. Tuy nhiên, dung lượng thị trường còn lớn và dư địa còn nhiều để khai thác, do Việt Nam mới chỉ đứng thứ 19 trong danh sách các thị trường cung ứng rau quả (mã HS 08) cho thị trường EU trong 6 tháng đầu năm 2025; đồng thời cũng chỉ đứng thứ 23 trong tổng số các thị trường cung ứng rau quả chế biến (mã HS 20) lớn nhất cho EU (vị trí còn chưa bằng Thái Lan-vốn chưa có FTA với EU).

Theo số liệu mới nhất từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong 6 tháng đầu năm 2025, cơ cấu thị trường cung ứng rau quả (mã HS 08,20) vào EU tiếp tục cho thấy sự chi phối mạnh mẽ của những quốc gia nội khối có lợi thế sản xuất và trung chuyển, trong đó Tây Ban Nha và Hà Lan giữ vai trò lớn.

Tây Ban Nha khẳng định vị thế là thị trường cung ứng lớn nhất khi đạt 7,52 tỷ USD, chiếm 13,87% tổng kim ngạch nhập khẩu của EU. Kết quả này không chỉ phản ánh tiềm lực sản xuất nông sản phong phú, khí hậu thuận lợi, mà còn cho thấy khả năng đáp ứng ổn định và chất lượng cao của sản phẩm rau quả Tây Ban Nha. Trong khi đó, Hà Lan với thế mạnh là trung tâm logistics và tái xuất khẩu lớn nhất châu Âu, cung ứng cho EU 5,74 tỷ USD, chiếm 10,57% tổng kim ngạch. Dù quy mô thấp hơn Tây Ban

Nha, nhưng Hà Lan lại có vai trò đặc biệt trong việc điều tiết nguồn hàng từ các khu vực khác vào thị trường EU.

Với kim ngạch 666,58 triệu USD trong nửa đầu năm 2025, tăng 33,16% so với cùng kỳ và chiếm 1,23% thị phần nhập khẩu rau quả của EU, Việt Nam đang dần khẳng định vị thế ngày càng quan trọng. Con số này không thể so sánh trực tiếp với quy mô hàng chục tỷ USD của Tây Ban Nha hay Hà Lan, nhưng việc thị phần tăng từ mức 1,04% lên 1,23% cho thấy Việt Nam đang cải thiện năng lực cạnh tranh, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ sản phẩm nhiệt đới, hữu cơ và chế biến sâu của EU ngày càng lớn. Vị thế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng được củng cố nhờ EVFTA, giúp nhiều dòng sản phẩm hưởng lợi từ ưu đãi thuế quan, đồng thời nhờ chiến lược mở rộng chủng loại từ trái cây tươi (thanh long, xoài, chuối) đến sản phẩm chế biến (nước ép, sấy khô, đông lạnh). Tuy vậy, để tiệm cận nhóm cung ứng hàng đầu, Việt Nam cần tiếp tục đầu tư vào khâu chế biến, logistics và đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc.

Bảng 4: Nhóm các thị trường xuất khẩu mặt hàng rau quả (mã HS 08, 20) lớn nhất vào thị trường EU trong 6 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 6/2025			6 Tháng 2025		Tỷ trọng	
	Trị giá (Triệu USD)	So với Tháng 5/2025 (%)	So với Tháng 6/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 6 Tháng 2024 (%)	6 Tháng 2025 (%)	6 Tháng 2024 (%)
Tổng	9.809,69	-2,68	22,07	54.257,36	12,99	100	100
Tây Ban Nha	1.500,52	-2,11	27,86	7.523,85	14,23	13,87	13,72
Hà Lan	1.001,08	-4,26	21,69	5.735,44	12,71	10,57	10,60
Đức	734,56	-1,79	22,20	4.046,01	11,70	7,46	7,54
Italy	612,60	10,23	20,27	3.221,58	10,52	5,94	6,07
Bỉ	515,26	1,79	16,67	2.652,73	3,01	4,89	5,36
Hoa Kỳ	426,12	-0,79	49,72	2.372,12	27,38	4,37	3,88
Thổ Nhĩ Kỳ	362,48	1,13	-8,11	2.157,48	2,87	3,98	4,37
Peru	343,75	-12,58	57,75	1.819,99	29,63	3,35	2,92
Morocco	171,29	-55,70	92,68	1.817,09	39,18	3,35	2,72
Nam Phi	283,36	21,63	24,27	1.588,20	10,63	2,93	2,99
Pháp	276,89	1,59	20,80	1.519,83	12,36	2,80	2,82
Ba Lan	267,73	5,53	11,09	1.505,77	12,55	2,78	2,79
Brazil	252,10	0,33	7,87	1.491,19	-1,98	2,75	3,17
Hy Lạp	232,38	20,99	26,18	1.179,18	11,59	2,17	2,20
Costa Rica	184,09	-12,52	3,93	1.158,47	4,14	2,14	2,32
Chile	190,99	-23,76	16,10	1.103,08	28,97	2,03	1,78

Thị trường	Tháng 6/2025			6 Tháng 2025		Tỷ trọng	
	Trị giá (Triệu USD)	So với Tháng 5/2025 (%)	So với Tháng 6/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 6 Tháng 2024 (%)	6 Tháng 2025 (%)	6 Tháng 2024 (%)
Ecuador	184,03	-5,65	31,77	1.087,94	12,48	2,01	2,01
Colombia	146,06	-13,24	33,96	1.025,38	11,66	1,89	1,91
Ai Cập	252,68	39,09	4,79	825,44	1,13	1,52	1,70
Bồ Đào Nha	146,96	-7,61	24,04	792,20	17,61	1,46	1,40
Trung Quốc	106,99	-4,07	10,71	735,56	30,47	1,36	1,17
Áo	121,35	5,36	10,58	694,70	7,71	1,28	1,34
Việt Nam	111,29	-17,13	17,09	666,58	33,16	1,23	1,04
New Zealand	201,21	10,16	36,95	446,08	27,69	0,82	0,73

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Trung tâm thương mại quốc tế (ITC) của WTO

5.1. Nhập khẩu mặt hàng quả và quả hạch (mã HS 08) vào EU và vị trí của Việt Nam trong danh mục các nguồn cung ứng

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong 6 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu mặt hàng quả và quả hạch (mã HS 08) của EU ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng, đạt 35,8 tỷ USD, tăng 16,88% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy nhu cầu tiêu thụ trái cây và các loại hạt trong khối vẫn duy trì ở mức cao bất chấp biến động kinh tế.

Trong đó, Tây Ban Nha tiếp tục là thị trường cung ứng lớn nhất, với 5,99 tỷ USD, chiếm 16,73% tổng kim ngạch nhập khẩu của EU. Tuy nhiên, tỷ trọng này lại giảm nhẹ so với mức 17,09% cùng kỳ năm 2024, cho thấy rằng dù giá trị nhập khẩu từ Tây Ban Nha vẫn tăng, tốc độ mở rộng nhập khẩu từ các nguồn khác còn nhanh hơn.

Bảng 5: Nhóm các thị trường xuất khẩu mặt hàng rau quả (mã HS 08) lớn nhất vào thị trường EU trong 6 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 6/2025			6 Tháng 2025		Tỷ trọng	
	Trị giá (Triệu USD)	So với Tháng 5/2025 (%)	So với Tháng 6/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 6 Tháng 2024 (%)	6 Tháng 2025 (%)	6 Tháng 2024 (%)
Tổng	6.537,17	-4,49	27,62	35.815,23	16,88	100	100
Tây Ban Nha	1.215,50	-3,02	30,13	5.993,15	14,42	16,73	17,09
Hà Lan	509,08	-9,14	29,95	3.023,02	17,79	8,44	8,38
Đức	423,49	-2,11	31,98	2.263,67	19,18	6,32	6,20
Hoa Kỳ	398,85	0,06	57,23	2.225,16	31,22	6,21	5,53

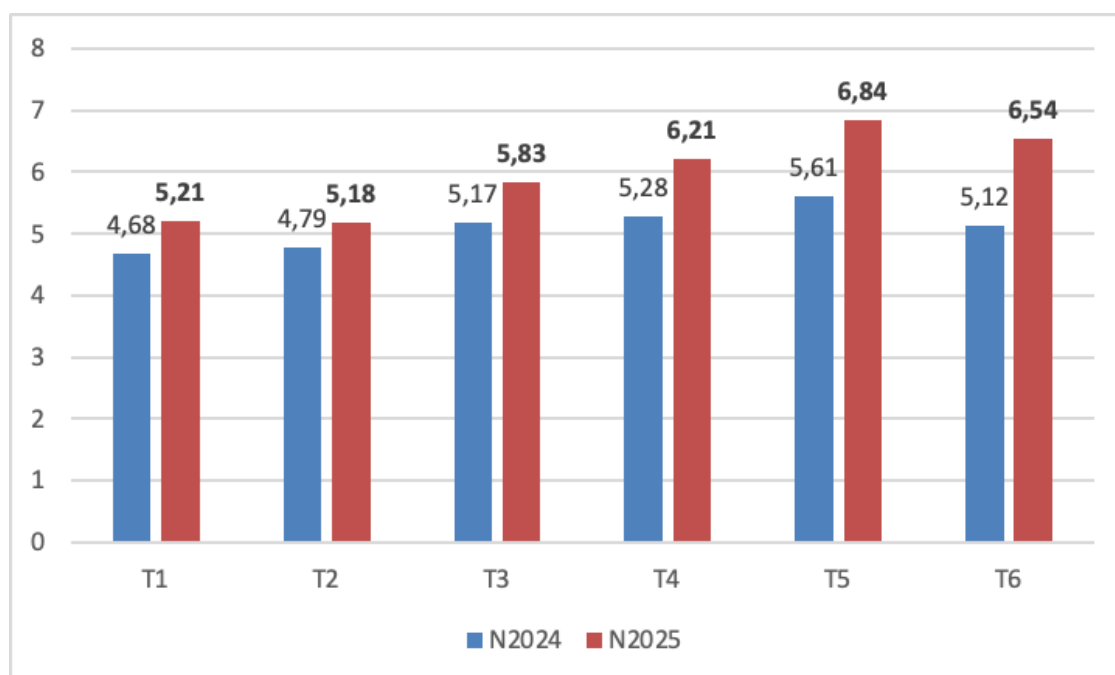
Thị trường	Tháng 6/2025			6 Tháng 2025		Tỷ trọng	
	Trị giá (Triệu USD)	So với Tháng 5/2025 (%)	So với Tháng 6/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 6 Tháng 2024 (%)	6 Tháng 2025 (%)	6 Tháng 2024 (%)
Morocco	150,34	-59,01	107,70	1.720,77	42,09	4,80	3,95
Peru	310,50	-13,89	55,40	1.643,05	29,48	4,59	4,14
Italy	317,73	23,46	33,42	1.523,68	20,31	4,25	4,13
Nam Phi	259,59	23,93	22,34	1.451,50	7,88	4,05	4,39
Thổ Nhĩ Kỳ	209,27	5,99	-20,12	1.147,36	-2,72	3,20	3,85
Chile	180,71	-25,66	15,60	1.042,08	29,13	2,91	2,63
Costa Rica	156,30	-15,90	-0,85	1.026,16	1,83	2,87	3,29
Ecuador	173,18	-5,09	32,64	1.020,20	13,05	2,85	2,95
Colombia	140,52	-14,26	33,97	999,62	11,78	2,79	2,92
Bỉ	202,64	4,75	33,09	948,63	11,38	2,65	2,78
Hy Lạp	152,84	42,84	27,00	729,73	11,43	2,04	2,14
Âi Cập	229,29	47,65	12,67	689,27	12,61	1,92	2,00
Pháp	103,76	-13,31	22,07	617,74	11,04	1,72	1,82
Ba Lan	95,25	-4,46	0,22	585,77	10,32	1,64	1,73
Việt Nam	90,01	-23,22	9,76	565,34	32,86	1,58	1,39
Bồ Đào Nha	108,02	-8,06	27,76	553,50	22,18	1,55	1,48
Brazil	78,58	-14,82	38,25	552,11	-0,77	1,54	1,82
New Zealand	201,16	10,15	36,94	444,89	27,37	1,24	1,14
Trung Quốc	47,06	-9,72	57,14	332,13	69,99	0,93	0,64
Côte d'Ivoire	48,64	-39,36	10,45	286,90	10,32	0,80	0,85
Serbia	75,45	93,59	20,63	269,32	12,89	0,75	0,78
Argentina	43,27	97,54	153,76	121,42	39,64	0,34	0,28

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Trung tâm thương mại quốc tế (ITC) của WTO

Qua các số liệu trên có thể thấy rằng, EU đang đa dạng hóa nguồn cung, không chỉ dựa quá nhiều vào một đối tác truyền thống. Đặc biệt, sự sụt giảm nhẹ trong kim ngạch tháng 6/2025 so với tháng trước (giảm 3,02%) cho thấy tính thời vụ và áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt, khi các quốc gia Nam Mỹ, châu Phi hay châu Á đang đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường châu Âu.

Biểu đồ 4: Kim ngạch nhập khẩu của mặt hàng quả và quả hạch (mã HS 08) của thị trường EU qua các tháng

DVT: Tỷ USD



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Trung tâm thương mại quốc tế (ITC) của WTO

Việt Nam đứng thứ 19 trong danh sách các thị trường cung ứng rau quả (mã HS 08) cho thị trường EU trong 6 tháng đầu năm 2025. Với trị giá nhập khẩu của EU trong tháng 6 năm 2025 đạt 90,01 triệu USD, giảm 23,22% so với tháng trước, tăng 9,76% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 6 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU đạt 565,34 triệu USD, tăng 32,86% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 1,58% trong tổng kim ngạch nhập khẩu rau quả (mã HS 08) của EU, cao hơn mức tỷ trọng 1,39% của cùng kỳ năm trước.

5.2. Nhập khẩu mặt hàng rau quả chế biến (mã HS 20) vào EU và vị trí của Việt Nam trong danh mục các nguồn cung ứng

Theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), tổng kim ngạch nhập khẩu rau quả (mã HS 20) của EU đạt 18,44 tỷ USD, tăng 6,13% so với cùng kỳ năm 2024, cho thấy nhu cầu tiêu thụ nhóm sản phẩm này tiếp tục duy trì đà tăng ổn định dù kinh tế khu vực còn nhiều biến động.

Trong số các quốc gia cung ứng, Hà Lan tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm trung chuyển và phân phối rau quả lớn nhất của châu Âu. Với kim ngạch xuất khẩu vào thị trường EU đạt 2,71 tỷ USD trong 8 tháng, tăng 7,54% so với cùng kỳ, Hà Lan chiếm 14,71% tổng nhập khẩu rau quả của toàn khối, cao hơn mức 14,51% cùng kỳ năm trước. Vị thế này có được nhờ hệ thống logistics hiện đại, chuỗi cung ứng nông sản tinh gọn, cùng lợi

thể là cửa ngõ nhập khẩu, tái xuất lớn nhất châu Âu thông qua cảng Rotterdam. Hà Lan không chỉ là nước xuất khẩu rau quả chế biến có quy mô lớn, mà còn là trung tâm tái phân phối hàng nông sản của nhiều quốc gia sang các nước thành viên khác trong khối EU.

Bên cạnh đó, các thị trường truyền thống như Tây Ban Nha, Ý, Bỉ và Đức vẫn giữ vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng rau quả chế biến của khu vực, với ưu thế về sản phẩm đặc thù, chất lượng ổn định và mạng lưới phân phối sẵn có.

Bảng 6: Nhóm các thị trường xuất khẩu mặt hàng rau quả (mã HS 20) lớn nhất vào thị trường EU trong 6 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 6/2025			6 Tháng 2025		Tỷ trọng của thị trường	
	Trị giá (Triệu USD)	So với Tháng 5/2025 (%)	So với Tháng 6/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 6 Tháng 2024 (%)	6 Tháng 2025 (%)	6 Tháng 2024 (%)
Tổng	3.272,52	1,15	12,30	18.442,14	6,13	100	100
Hà Lan	492,00	1,37	14,18	2712,42	7,54	14,71	14,51
Đức	311,08	-1,36	11,01	1782,35	3,45	9,66	9,92
Bỉ	312,62	-0,05	8,03	1704,10	-1,13	9,24	9,92
Italy	294,86	-1,17	8,72	1697,90	3,00	9,21	9,49
Tây Ban Nha	285,03	1,97	19,02	1530,69	13,50	8,30	7,76
Thổ Nhĩ Kỳ	153,20	-4,83	15,67	1010,12	10,05	5,48	5,28
Brazil	173,52	9,11	-1,89	939,07	-2,67	5,09	5,55
Ba Lan	172,48	11,99	18,18	920,00	14,02	4,99	4,64
Pháp	173,13	13,25	20,06	902,09	13,28	4,89	4,58
Áo	96,98	1,97	8,99	561,71	5,84	3,05	3,05
Hy Lạp	79,54	-6,49	24,63	449,45	11,87	2,44	2,31
Trung Quốc	59,93	0,90	-10,14	403,44	9,51	2,19	2,12
Hungary	53,01	2,66	11,77	298,68	-1,73	1,62	1,75
Bồ Đào Nha	38,94	-6,32	14,78	238,70	8,21	1,29	1,27
Pê-ru	33,25	1,96	83,75	176,94	31,03	0,96	0,78
Anh	35,15	18,34	19,89	173,42	-1,43	0,94	1,01
Ấn Độ	21,19	-27,05	-4,55	156,13	7,45	0,85	0,84
Hoa Kỳ	27,27	-11,72	-11,85	146,96	-11,77	0,80	0,96
Nam Phi	23,77	1,16	50,07	136,70	51,68	0,74	0,52
Ai Cập	23,39	-11,33	-37,85	136,17	-33,30	0,74	1,17

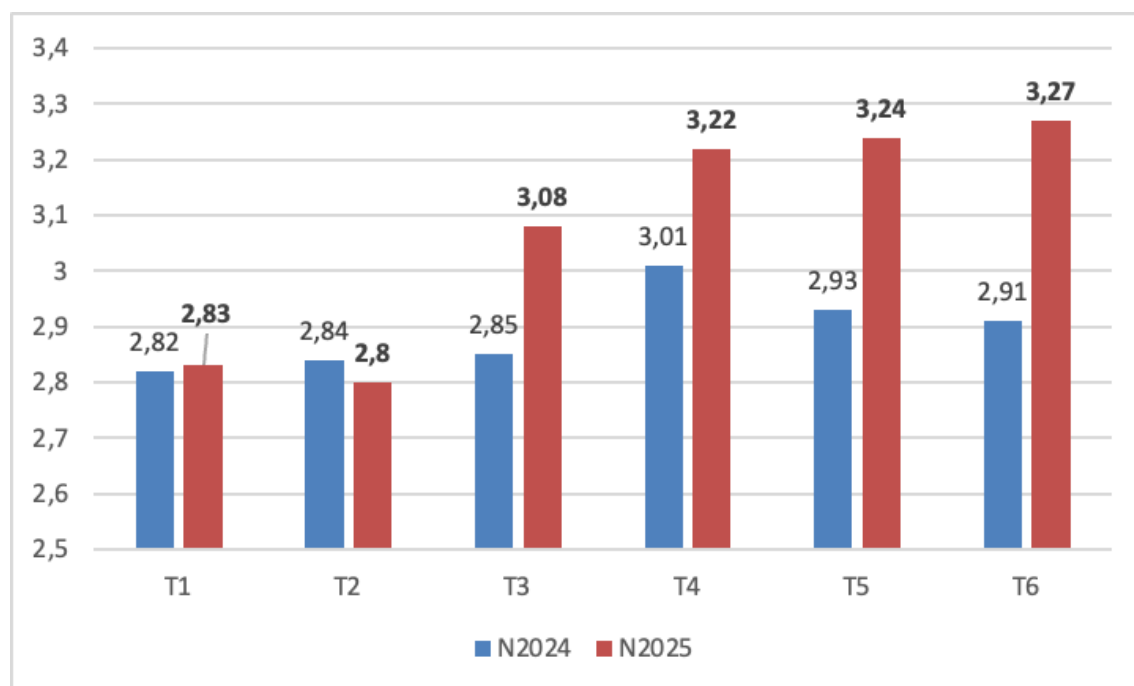
Thị trường	Tháng 6/2025			6 Tháng 2025		Tỷ trọng của thị trường	
	Trị giá (Triệu USD)	So với Tháng 5/2025 (%)	So với Tháng 6/2024 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 6 Tháng 2024 (%)	6 Tháng 2025 (%)	6 Tháng 2024 (%)
Thái Lan	22,42	-12,27	36,14	135,11	37,52	0,73	0,57
Costa Rica	27,79	13,11	42,59	132,32	26,28	0,72	0,60
Việt Nam	21,28	24,73	63,18	101,24	34,87	0,55	0,43

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế (ITC) của WTO

Việt Nam hiện đứng thứ 23 trong tổng số các thị trường cung ứng rau quả chế biến (mã HS 20) lớn nhất cho EU. Trong tháng 6/2025, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt 21,28 triệu USD, tăng mạnh 24,73% so với tháng trước và tới 63,18% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 6 tháng đầu năm, con số này đạt 101,24 triệu USD, tăng 34,87% so với cùng kỳ, chiếm 0,55% trong tổng kim ngạch nhập khẩu rau quả của EU, một tỷ trọng tuy còn nhỏ nhưng đã tăng đáng kể so với 0,43% cùng kỳ năm 2024.

Biểu đồ 5: Kim ngạch nhập khẩu mặt hàng rau quả chế biến (mã HS 20) của thị trường EU qua các tháng

ĐTV: Tỷ USD



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế (ITC) của WTO

II. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XUẤT KHẨU RAU QUẢ TRONG THỰC THI EVFTA

1. Các yếu tố tác động từ thị trường thế giới và thị trường EU

Xuất khẩu rau quả của Việt Nam trong tiến trình thực thi EVFTA chịu sự chi phối bởi nhiều yếu tố đan xen, trong đó nổi bật nhất là các tác động từ bối cảnh thị trường thế giới và đặc thù thị trường EU. Trên bình diện toàn cầu, nhu cầu tiêu dùng rau quả đang có xu hướng gia tăng nhờ xu thế dinh dưỡng xanh, ăn uống lành mạnh và dịch chuyển sang sản phẩm hữu cơ, thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, những biến động như dịch COVID-19, xung đột Nga – Ukraine, lạm phát gia tăng, hay sự đứt gãy chuỗi cung ứng đã ảnh hưởng trực tiếp đến sức mua, chi phí logistics và khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam.

Giá năng lượng, chi phí vận tải biển và yêu cầu về phát thải carbon cũng là những yếu tố khiến doanh nghiệp phải thích ứng linh hoạt. Đặc biệt, sự cạnh tranh gay gắt từ các nước xuất khẩu lớn như Thái Lan, Philippines, Nam Phi hay Hoa Kỳ trong phân khúc rau quả nhiệt đới đã tạo sức ép không nhỏ cho Việt Nam khi cùng nhắm tới thị trường EU.

Ở chiều ngược lại, thị trường EU với quy mô nhập khẩu rau quả thuộc hàng lớn nhất thế giới vừa mang lại cơ hội rộng mở, vừa đặt ra nhiều thách thức khắt khe.

Nhờ EVFTA, phần lớn thuế nhập khẩu rau quả Việt Nam được cắt giảm về 0%, tạo lợi thế cạnh tranh so với nhiều đối thủ chưa có FTA với EU. Tuy vậy, EU vốn nổi tiếng với hệ thống quy định chặt chẽ về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS), hàng rào kỹ thuật (TBT), chứng nhận GlobalGAP, quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, cũng như xu hướng tiêu dùng gắn liền với phát triển bền vững, kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải carbon.

Ngoài ra, các nhà nhập khẩu và chuỗi phân phối EU đòi hỏi cao về truy xuất nguồn gốc, bao bì sinh thái, nhãn mác minh bạch, và cả cam kết xã hội, môi trường từ phía nhà sản xuất. Đây vừa là rào cản, vừa là động lực thúc đẩy ngành rau quả Việt Nam nâng cấp toàn diện về chất lượng, công nghệ chế biến, logistics lạnh và quản trị chuỗi cung ứng.

Như vậy, các yếu tố từ thị trường thế giới và thị trường EU không chỉ định hình tốc độ tăng trưởng xuất khẩu mà còn quyết định mức độ bền vững, khả năng cạnh tranh và tầm vóc lâu dài của rau quả Việt Nam trong kỷ nguyên EVFTA.

2. Các yếu tố tác động từ thị trường Việt Nam

Xuất khẩu rau quả của Việt Nam trong quá trình thực thi EVFTA không chỉ chịu tác động từ thị trường thế giới và thị trường EU, mà còn

phụ thuộc sâu sắc vào những yếu tố nội tại từ chính thị trường trong nước. Trước hết, năng lực sản xuất được xem là yếu tố quan trọng, bởi phần lớn rau quả Việt Nam vẫn đến từ các hộ nông dân nhỏ lẻ, quy mô manh mún, chưa đồng đều về chất lượng, khiến việc đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của EU trở nên khó khăn. Bên cạnh đó, vấn đề an toàn thực phẩm, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, quản lý sau thu hoạch và công nghệ bảo quản lạnh vẫn còn là điểm yếu, hạn chế khả năng cạnh tranh so với đối thủ.

Một yếu tố khác mang tính quyết định là cơ sở hạ tầng logistics: chi phí vận tải biển, kho lạnh, bảo quản chuỗi lạnh cao khiến giá thành sản phẩm bị đội lên, trong khi đây lại là yêu cầu bắt buộc để duy trì chất lượng rau quả tươi khi xuất khẩu xa như sang châu Âu. Ngoài ra, năng lực chế biến sâu và đa dạng hóa sản phẩm vẫn còn hạn chế, khiến nhiều mặt hàng chủ yếu xuất khẩu dưới dạng tươi, giá trị gia tăng chưa cao.

Không chỉ vậy, sự liên kết giữa doanh nghiệp xuất khẩu và nông dân chưa thực sự chặt chẽ, dẫn đến khó kiểm soát đồng bộ về tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP hay truy xuất nguồn gốc. Bên cạnh đó, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, như đầu tư hạ tầng vùng trồng, khuyến khích sản xuất sạch, xúc tiến thương mại và thông tin thị trường, đóng vai trò quan trọng nhưng vẫn cần hoàn thiện để đồng hành cùng doanh nghiệp. Có thể nói, chính những yếu tố nội tại từ thị trường Việt Nam sẽ quyết định khả năng tận dụng hiệu quả ưu đãi thuế quan của EVFTA, bởi nếu không khắc phục triệt để những hạn chế này, lợi thế từ hiệp định khó có thể chuyển hóa thành sức cạnh tranh thực sự trên thị trường EU.

III. ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Dự báo xu hướng

Triển vọng xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA trong thời gian tới được đánh giá tích cực, bởi hiệp định này không chỉ mang lại lợi thế về thuế quan mà còn mở ra cơ hội dài hạn trong việc thâm nhập sâu vào một trong những thị trường tiêu thụ rau quả lớn và khắt khe nhất thế giới. Với mức thuế nhập khẩu nhiều mặt hàng rau quả đã giảm về 0%, doanh nghiệp Việt Nam có điều kiện cạnh tranh với các đối thủ từ những quốc gia chưa có FTA với EU. Xu hướng tiêu dùng tại châu Âu cũng ngày càng nghiêng về các sản phẩm nông sản nhiệt đới, hữu cơ, thân thiện môi trường và có chứng nhận phát triển bền vững.

Trong bối cảnh nhu cầu đa dạng hóa nguồn cung của EU ngày càng tăng sau những biến động địa chính trị và đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, rau quả Việt Nam có cơ hội mở rộng thị phần, đặc biệt ở những mặt hàng như thanh long, xoài, nhãn, chanh leo, cũng như nhóm rau quả chế biến, nước ép và sản phẩm sấy khô. Dự báo trong những năm tới, kim ngạch xuất

khẩu rau quả của Việt Nam sang EU sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng hai con số, trong đó xu hướng nổi bật là dịch chuyển từ xuất khẩu tươi sang chế biến sâu nhằm gia tăng giá trị và đáp ứng yêu cầu về logistics xanh, giảm phát thải carbon. Đồng thời, sự gia nhập mạnh mẽ của các doanh nghiệp lớn, kết hợp với nỗ lực chuẩn hóa quy trình sản xuất, truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu vùng trồng, sẽ giúp rau quả Việt Nam không chỉ mở rộng quy mô xuất khẩu mà còn dần khẳng định được vị thế ở phân khúc trung cao cấp tại thị trường châu Âu.

Trong những tháng còn lại của năm 2025, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường thành viên Hiệp định EVFTA được dự báo sẽ tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực, nhờ sự cộng hưởng của nhiều yếu tố thuận lợi từ cả cung và cầu. Một mặt, nhu cầu tiêu thụ rau quả tại EU thường gia tăng mạnh vào giai đoạn cuối năm, khi bước vào mùa lễ hội và kỳ nghỉ Giáng sinh và Năm mới, mở ra cơ hội lớn cho các sản phẩm nhiệt đới đặc trưng của Việt Nam như thanh long, xoài, nhãn, chôm chôm hay chanh leo. Mặt khác, những cam kết ưu đãi thuế quan từ EVFTA vẫn phát huy hiệu quả, giúp hàng Việt Nam có lợi thế rõ rệt về giá so với các đối thủ đến từ những quốc gia chưa có FTA với EU. Ngoài ra, trong bối cảnh EU đang đẩy mạnh chính sách đa dạng hóa nguồn cung và giảm phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống, rau quả Việt Nam có thêm dư địa để mở rộng thị phần.

2. Một số khuyến nghị

Để tận dụng tối đa những ưu thế mà Hiệp định EVFTA mang lại và gia tăng xuất khẩu rau quả sang thị trường EU, ngành rau quả Việt Nam cần có chiến lược toàn diện, vừa mang tính trước mắt vừa đảm bảo dài hạn. Trước hết, việc nâng cao chất lượng và chuẩn hóa quy trình sản xuất phải được coi là ưu tiên hàng đầu. Doanh nghiệp và nông dân cần đẩy mạnh áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như GlobalGAP, HACCP, hữu cơ EU, đồng thời kiểm soát chặt chẽ dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, an toàn vệ sinh thực phẩm và truy xuất nguồn gốc minh bạch để đáp ứng các hàng rào kỹ thuật ngày càng khắt khe.

Song song đó, cần tăng cường đầu tư vào công nghệ bảo quản sau thu hoạch, chế biến sâu và phát triển chuỗi logistics lạnh để kéo dài thời gian lưu trữ, giảm thất thoát và nâng cao giá trị gia tăng, thay vì chỉ tập trung vào xuất khẩu dạng tươi truyền thống. Ngoài ra, ngành rau quả cần quan tâm đến xu hướng tiêu dùng xanh và phát triển bền vững tại EU, từ bao bì thân thiện môi trường, giảm phát thải carbon trong chuỗi cung ứng cho đến cam kết trách nhiệm xã hội.

Về phía doanh nghiệp, cần chủ động xây dựng thương hiệu quốc gia và thương hiệu vùng trồng, tham gia sâu vào hệ thống phân phối, siêu thị lớn của EU thay vì phụ thuộc vào trung gian. Đồng thời, Nhà nước nên tiếp

tục hỗ trợ thông qua xúc tiến thương mại, dự báo thị trường, đàm phán tháo gỡ rào cản kỹ thuật, đầu tư hạ tầng vùng trồng và trung tâm logistics phục vụ xuất khẩu. Có thể khẳng định rằng, nếu tận dụng tốt ưu đãi thuế quan từ EVFTA kết hợp với nâng cao năng lực cạnh tranh nội tại, rau quả Việt Nam không chỉ gia tăng kim ngạch xuất khẩu sang EU mà còn có cơ hội bứt phá, khẳng định vị thế trong chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu..

Cán bộ theo dõi

Người thực hiện

Đặng Thùy Dương

Trần Thùy Ngân